

## QUAN CHẾ THỜI TRẦN TRONG SO SÁNH VỚI TRUNG QUỐC: TIẾP CẬN TỪ NGÔI VỊ TÊ TƯỚNG

Phan Ngọc Huyền

*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

**Tóm tắt.** Bài viết này khảo cứu về ngôi vị Tê tướng dưới thời Trần từ góc độ so sánh với quan chế Trung Quốc để thấy rõ được sự tương đồng và khác biệt về tên gọi và sự biến đổi của danh xưng; về nguồn gốc xuất thân, chức nhiệm và bản chất nắm quyền của chế độ Tê tướng ở cả hai nước. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần giúp nhận diện rõ hơn về những giá trị đặc thù và tính dân tộc của quan chế thời Trần trong so sánh với quan chế Trung Quốc từ thời Đường - Tống đến đầu thời Minh.

**Từ khóa:** Tê tướng, quan chế, thời Trần, Trung Quốc.

### 1. Mở đầu

Nghiên cứu về lịch sử chế độ Tê tướng trong lịch sử trung đại Việt Nam nói chung và Tê tướng thời Trần nói riêng là một vấn đề mới trong hướng nghiên cứu về quan chế hiện nay. Tiếp nối những nghiên cứu ban đầu của cùng tác giả như *Bàn về chức Tê tướng thời Lý - Trần* (Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1 năm 2016, tr. 19-29) [1], *Ngôi vị Tê tướng trong thiết chế chính trị Đại Việt thế kỉ XI - XVIII* (trong sách *Một số chuyên đề Lịch sử Việt Nam* do Nguyễn Ngọc Cơ (chủ biên), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, tr. 35-71) [2], bài viết này tiếp cận vấn đề ở một khía cạnh khác, từ góc độ so sánh giữa ngôi vị Tê tướng dưới thời Trần với một số triều đại của Trung Quốc.

Có thể thấy, hệ thống quan chức dưới thời Trần, trong đó có ngôi vị Tê tướng đã được thiết lập khá hoàn chỉnh, thể hiện tính chuyên môn hóa ngày càng cao và đặc biệt đã có sự khác biệt không nhỏ so với quan chế Trung Quốc. Trong so sánh với quan chế của Trung Quốc từ thời Tống, Liêu, Nguyên đến đầu thời Minh (có so sánh với cả thời Đường trước đó), ngôi vị Tê tướng thời Trần bên cạnh nhiều nét tương đồng về tên gọi, chức năng còn có những nét đặc sắc riêng thể hiện tính dân tộc và tính bản địa rất riêng của Đại Việt.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Ngôi vị Tê tướng trong thiết chế chính trị thời Trần

Khái niệm Tê tướng, cho đến nay dù có nhiều cách diễn giải khác nhau song về cơ bản, có thể hiểu nội hàm thuật ngữ này là vị trưởng quan có quyền hành cao nhất, đứng đầu hàng ngũ quan lại thời phong kiến, là người “trợ thủ cao cấp” giúp vua/ hoàng đế giải quyết các công việc quốc gia đại sự.

Trong lịch sử Việt Nam trước thế kỉ XIII, ngôi vị Tê tướng có thể được trao cho người giữ chức

Tổng quản (thời Tiền Lê) hay Thái úy phụ chính/ Phụ quốc Thái úy, Bình chương quân quốc trọng sự (thời Lý).

Đến thời Trần, người được coi là Tể tướng đầu tiên của triều đại là Trần Thủ Độ được nhắc đến với chức Thái sư. Năm 1225, sau khi Trần Cảnh lên ngôi đã phong Trần Thủ Độ làm Quốc thượng phụ, nắm giữ mọi việc cai trị trong nước. Năm 1226, nhà vua lại phong Trần Thủ Độ làm Thái sư thống quốc hành quân vụ chinh thảo sứ [3; 157,159]. Trên thực tế, Thái sư Trần Thủ Độ là người giữ ngôi Tể tướng, đứng đầu trăm quan.

Sau Trần Thủ Độ, những người ở ngôi Tể tướng thời Trần đa phần đều giữ chức Tướng quốc Thái úy, sau đổi thành Tả, hữu Tướng quốc, kiêm Kiểm hiệu đặc tiến khai phủ nghi Đồng tam ty Bình chương sự. Tuy nhiên, trên thực tế còn có nhiều chức tước và vị trí khác nhau cũng đều được coi là ngôi vị Tể tướng.

Thậm chí, chức Đại hành khiển thời Trần tưởng chừng chỉ làm chức nhiệm quản lí ở nội cung nhưng trên thực tế quyền lực lại rất lớn, ngang hàng với Tể tướng. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* cho biết chế độ nhà Trần các vương hầu chỉ ở phủ đệ của mình, khi có việc vào chầu thì mới đến kinh sư, xong việc lại về. Vương hầu, quý tộc khi vào làm Tể tướng mới tóm giữ việc nước nhưng “chỉ nắm đại cương” còn thực quyền thì thuộc về Hành khiển. Do nắm thực quyền quá lớn nên chức Nhập nội Đại hành khiển như của Trần Khắc Chung (tên thật là Đỗ Khắc Chung) cũng được coi như ở ngôi vị Tể tướng. Đoạn chép sau đây trong sách *Đại Việt sử kí toàn thư* cho thấy rõ điều đó: “[Năm 1315] Bấy giờ Trần Khắc Chung làm Hành khiển. Quan ngự sử dâng sớ nói: “Chức vụ Tể tướng, trước hết phải điều hoà âm dương. Nay Khắc Chung ở ngôi Tể tướng, không biết phối hợp đất trời cho khí tiết điều hòa, để đến nỗi mưa nắng trái thời, thế là làm quan không được công trạng gì...” [3; 486].

Theo thống kê trong tài liệu chính sử, có thể kể đến một số chức quan tiêu biểu thuộc hàng Tể tướng dưới thời Trần như sau:

**Bảng 1. Thống kê một số vị Tể tướng tiêu biểu dưới thời Trần**

Stt	Họ tên	Chức vụ	Năm phong
1.	Trần Thủ Độ	Quốc thượng phụ, Thống quốc Thái sư	1225, 1226
2.	Trần Nhật Hiệu	Tướng quốc thái úy	1264
3.	Trần Quang Khải	Tướng quốc thái úy	1271
4.	Trần Đức Việp	Tướng quốc sự, Thống chính thái sư	1287
5.	Đỗ (Trần) Khắc Chung	Nhập nội Đại hành khiển	1303
6.	Trần Quốc Chấn	Nhập nội Quốc phụ Thượng tể	1324
7.	Trần Nhật Duật	Tả Thánh Thái sư	1324
8.	[Cung Định vương] Phủ	Hữu tướng quốc, Tả tướng quốc, gia phong Đại Vương.	1353
9.	Nguyễn Trác	Tả tướng quốc, Thượng tướng quốc Thái tể	1353, 1369
10.	[Huệ Túc công] Đại Niên	Bình chương chính sự	1360
11.	Trần Nguyên Đán	Tư đồ phụ chính	1371
12.	[Trang Định Đại vương] Ngạc	Thái úy, Đại vương	1388
13.	[Chương Tĩnh vương]	Nhập nội kiểm hiệu tướng quốc bình	1390

	Nguyên Hy	chương sự	
14.	Hồ Quý Ly	Nhập nội phụ chính Thái sư Bình chương quân quốc trọng sự, Quốc tổ chương hoàng	1395, 1399

Nguồn: [2; 19-29]

Là đại thần trọng chức, ngôi vị Tể tướng dưới thời Trần có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng trong bộ máy nhà nước của triều đình.

*Thứ nhất:* Đúng như nội hàm chức nhiệm, nhiều Tể tướng thời Trần trên thực tế đã góp phần quan trọng giúp vua điều hành các công việc chính sự của đất nước. Đầu thời Trần, Thái sư Trần Thủ Độ được coi là “kiến trúc sư” của vương triều Trần từ thừa ban đầu như nhận xét của các sử gia thời Hậu Lê “quy hoạch việc nước đều do Trần Thủ Độ làm” [3; 159]. Tuy là người không có học vấn nhưng Thái sư Trần Thủ Độ đã giúp vua nắm giữ mọi việc cai trị trong nước ngay từ buổi đầu thành lập triều đại. *Đại Việt sử kí toàn thư* chép: “Thái Tông lấy được thiên hạ đều nhờ mưu sức của ông cả. Vì thế ông được nhà nước dựa cậy, quyền át cả vua” [3; 178-179].

Ngoài Trần Thủ Độ, nhiều vị Tể tướng khác như Trần Nhật Duật, Trần Quốc Chấn, Trần Nguyên Đán... đều là những người có tài năng đã có nhiều đóng góp thiết thực trong việc phò vua giúp nước.

Cuối thời Trần, chính sự suy yếu, Thượng hoàng Nghệ Tông buộc phải gọi Hồ Quý Ly vào can dự: “Bình chương là họ thân thích nhà vua, mọi việc nước nhà đều trao cho khanh cả. Nay thế nước suy yếu, trăm thì già nua. Sau khi trăm chết, quan gia nếu giúp được thì giúp, nếu hèn kém ngu muội thì khanh cứ tự nhận lấy ngôi vua” [3; 287].

*Thứ hai:* Tể tướng thời Trần cũng là người đứng đầu đội ngũ quan lại, góp phần xem xét, quản lí hoạt động của bá quan văn võ.

Năm 1227, triều đình nhà Trần tổ chức cho các quan lại đến đền thờ thần núi Đổng Cỗ, để uống máu ăn thề, làm lễ minh thệ. Trong nghi lễ này, Tể tướng có vai trò kiểm soát sự có mặt của bá quan văn võ. Sau khi các quan tập hợp, cùng tuyên đọc lời thề, Tể tướng sẽ sai người đóng cửa diêm danh, “người vắng mặt phải phạt 5 quan tiền” [3; 161].

Bên cạnh việc quản lí, chỉ đạo đội ngũ quan lại, Tể tướng thời Trần cũng đóng vai trò là rường cột giúp vua xem xét, tiến cử người hiền tài để bổ sung cho đội ngũ quan liêu của nhà nước. Điều này được *Đại Việt sử kí toàn thư* ghi rõ: “Chức vụ của Tể tướng là ở chỗ tiến cử người hiền, gạt bỏ kẻ xấu” [3; 705]. Trên thực tế, đội ngũ quan lại phía dưới tài năng hay vô dụng, liêm khiết hay tham tang, một phần có liên quan và bị ảnh hưởng bởi tài năng và nhân cách của Tể tướng đương triều.

*Thứ ba:* Tể tướng bên cạnh những trọng trách được giao còn phải kiêm quản nhiều việc lớn nhỏ trong triều đình.

Chẳng hạn, Tể tướng có thể được giao nhiệm vụ làm thầy dạy, người uốn nắn và giúp đỡ Thái tử (như Thái bảo Trần Khắc Chung), nhưng cũng có khi phải thân chinh làm tướng đi dẹp loạn cát cứ hay đi tuần ở vùng biên viễn để kiểm tra tình hình an ninh, quốc phòng (như Thái sư Trần Thủ Độ, Thái sư Trần Nhật Duật). Bên cạnh đó, Tể tướng còn phải đảm nhiệm việc kiêm quản xét việc quân dân ở các địa phương khi có sự phân nhiệm của vua. Đầu thời Trần, Thái sư Trần Thủ Độ được phong là Thống quốc Thái sư nhưng vẫn kiêm nhiệm chức Tri Thanh Hóa phủ sự có nhiệm vụ duyệt sổ đinh ở phủ Thanh Hoá [3; 166]. Cũng có khi, Tể tướng phải làm cả những công việc nhỏ như chi tiết sau được chép trong *Đại Việt sử kí tiền biên*: Năm Long Hưng thứ 18 (1310), nhân lễ an tang Thượng hoàng Nhân Tông, người ta kéo đến xem đến đây cung điện, “quan Tể tướng cầm roi xua đuổi mà cũng không thể giã ra được” [4; 498].

Với các chức nhiệm được triều đình giao phó, hầu hết các vị Tể tướng thời Trần đều có đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của vương triều (như Trần Thủ Độ, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật...), dù bên cạnh đó cũng có vị Tể tướng đã góp phần viết nên câu chuyện suy vong của triều đại này (như Hồ Quý Ly).

## **2.2. Sự biến đổi của ngôi vị Tể tướng ở Trung Quốc từ thời Đường đến đầu thời Minh**

Trong lịch sử ngôi vị Tể tướng của Trung Quốc, từ thời Thương đã có chức A Hoành; thời Tây Chu có chức Trùng Tể hay còn gọi là Thái Tể; thời Xuân Thu, Chiến Quốc chính thức xuất hiện chức quan gọi Tướng; Thời Tần và Tây Hán có chức Tướng bang, Thừa tướng hay Tướng quốc; Thời Đông Hán ba chức Tư đồ, Tư không, Thái úy cùng nắm trọng quyền ngang như Tể tướng. Từ sau thời Ngụy, Tấn, các chức quan như Trung thư giám, Trung thư lệnh, Thị trung, Thượng thư lệnh, Bộc xạ được coi là các đại thần tham chính, quyền vị như Tể tướng...

Đến thời Đường, cơ cấu tổ chức ở triều đình trung ương tại bộ phận trung khu lấy Tam sảnh (Trung thư sảnh, Môn hạ sảnh, Thượng thư sảnh) làm hạt nhân, về sau phát triển thành Chính sự đường – nơi bàn việc chính sự của Tể tướng. Các chức trưởng quan đứng đầu “Tam sảnh” thời kỳ này chính là những người đảm trách ngôi vị của Tể tướng. Đứng đầu Trung thư sảnh, Môn hạ sảnh là Trung thư lệnh và Thị trung; dưới đó là các chức Trung thư Thị lang, Hoàng môn Thị lang.

Từ thời Trung Đường, chức vị của Tể tướng có đi kèm thêm danh hiệu Đồng Trung thư môn hạ Bình chương sự hoặc Đồng Trung thư môn hạ tam phẩm. Người đứng đầu Tam sảnh, vốn dĩ trước đó nắm quyền Tể tướng nhưng nếu không được gia phong mấy chữ như trên thì không được vào Chính sự đường bàn việc chính trị, cũng có nghĩa là sẽ bị mất địa vị của Tể tướng [5; 142]. Sau loạn An Sử, danh hiệu Đồng Trung thư môn hạ tam phẩm không dùng nữa, ngôi vị của Tể tướng thường gắn với danh hiệu thống nhất là Đồng bình chương sự.

Sang thời Tống, ngôi vị Tể tướng đã trải qua nhiều lần thay đổi về quan danh và phẩm trật. Thống kê cho thấy Tể tướng thời Tống ít nhất đã trải qua 5 lần biến đổi dưới đây:

- Lần thứ nhất từ đầu triều đại đến trước thời Tống Thần Tông niên hiệu Nguyên Phong: Giai đoạn này chế độ Tể tướng vẫn theo quan chế thời Đường với việc đặt Trung thư môn hạ Bình chương sự, với 3 bộ phận Trung thư, Khu mật, Tam tư cùng phân nhau nắm giữ các mảng chính lệnh, quân sự, tài chính.

- Lần thứ hai gắn với cuộc cải cách quan chế của vua Tống Thần Tông vào năm Nguyên Phong thứ 5 (1082). Trong cuộc cải cách này, Tống Thần Tông gạt bỏ Trung thư Môn hạ, khôi phục lại chế độ Tam tỉnh thời Sơ Đường, đặt chức trưởng quan đứng đầu Tam tỉnh gồm: Thượng thư lệnh, Trung thư lệnh và Môn hạ Thị trung. Tuy nhiên, 3 chức quan này chỉ là đặt ra trên lý thuyết, chưa từng bổ nhiệm ai cụ thể.

- Lần thứ ba vào thời khoảng năm Chính Hòa đời vua Tống Huy Tông (1111 - 1118): Giai đoạn này Thái Kinh làm Tể tướng, tự xưng là Thái sư, thống lĩnh công việc của Môn hạ sảnh, Trung thư sảnh và Thượng thư sảnh. Các chức Thượng thư Tả, hữu Bộc xạ được đổi thành Thái tể (kiêm Môn hạ Thị lang), Thiệu tể (kiêm Trung thư Thị lang) nhưng đến khoảng năm Tĩnh Khang đời vua Tống Khâm Tông lại bị bãi bỏ để quay về với tên gọi cũ.

- Lần thứ tư diễn vào năm Kiến Viêm thứ 3 (1129) đời vua Tống Cao Tông: Trong giai đoạn này, Tống Cao Tông đã cho chức Tả, hữu Bộc xạ kiêm Đồng trung thư Môn hạ Bình chương sự, xác lập địa vị chính thức thành Tể tướng, các chức Môn hạ Thị lang và Trung thư Thị lang lại được đổi thành Tham tri chính sự, tức Phó Tể tướng, kéo theo đó là các chức Tả, hữu Thừa bị bãi bỏ. Sự thay đổi lần này của nhà Nam Tống thực chất là sự khôi phục trở lại quan chế như đầu thời Tống.

- Lần thứ năm diễn ra vào năm Càn Đạo thứ 8 (1172) đời vua Tống Hiếu Tông: Giai đoạn này, nhà Tống lại cho đổi Tả, hữu Bộc xạ kiêm Đồng trung thư Môn hạ Bình chương sự thành Tả, hữu Thừa tướng và Tham tri chính sự, đồng thời phê bỏ các chức vụ hư danh như Trung thư lệnh, Thị trung, Thượng thư lệnh. Môn hạ được sát nhập với Trung thư, gọi chung là Trung thư môn hạ.

Tả, hữu Tể tướng sẽ nắm công việc của Trung thư, kiêm nhiệm trưởng quan đứng đầu Thượng thư sảnh. Lục bộ vì vậy trực thuộc vào Tể tướng. Chế độ nắm quyền của Thượng thư sảnh như trước bị bãi bỏ nên thực chất đây là giai đoạn Tam sảnh đã bị hợp nhất thành một, dọn đường cho Tả, hữu Tể tướng trở thành vị trưởng quan cao nhất trong bộ máy hành chính trên cả nước [5; 191].

Không trải qua nhiều lần biến đổi lớn như Tể tướng thời Tống, ngôi vị Tể tướng của nước Liêu cũng có nhiều nét đặc trưng riêng. Quan chế thời Liêu có sự tồn tại song hành của hai hệ thống quan chế được gọi là “Nam diện quan chế” (theo nghi thức của người Hán) và “Bắc diện quan chế” (theo tục của người Khiết Đan) [5; 242 - 243].

Hệ thống “Bắc diện quan chế” của nước Liêu bên cạnh Đại Vu Việt phủ, Chư trưởng quan, quan lại ở các bộ tộc và thuộc quốc còn có riêng cơ cấu của Tể tướng phủ. Tể tướng phủ thời Liêu có sự phân biệt Nam, Bắc lưỡng phủ. Trong lưỡng phủ, trưởng quan đứng đầu Bắc phủ gọi là Bắc phủ Tể tướng, do các thành viên trong Hoàng tộc đảm nhiệm. Trưởng quan đứng đầu Nam phủ gọi là Nam phủ Tể tướng, do Hậu tộc (họ bên Hoàng hậu) sung nhiệm. Thời Liêu là thời kì duy nhất xuất hiện chức Tể tướng cùng với trị sở là Tể tướng phủ theo đúng tên gọi của nó. Tuy nhiên, chế độ Tể tướng của Liêu có nhiều điểm khác với người Hán ở trung nguyên vì nó còn mang nặng màu sắc của chế độ liên minh bộ lạc.

Sang thời Nguyên, triều đình có chủ trương lấy Trung thư sảnh làm trọng. Đứng đầu Trung thư sảnh là Trung thư lệnh, chỉ cho Hoàng tử nắm giữ, bình thường không ban chức này cho người ngoài. Trưởng quan của Trung thư sảnh là Hữu Thừa tướng và Tả Thừa tướng. Bên cạnh Thừa tướng cũng có còn có chức Bình chương Chính sự, chức vụ này thực tế chính là Tể tướng dưới triều Nguyên, có vai trò quan trọng cùng với vua quyết định các công việc quốc gia đại sự. Có thể nói, quyền lực của Tể tướng thời Nguyên rất lớn. Ví dụ thời Nguyên Nhân Tông, Thiết Mộc Diệt Nhi 3 lần làm Tể tướng, nắm hết mọi việc trong triều chính. Theo ghi chép của sử sách, thời Nguyên đa phần các vị vua lên nối ngôi được là nhờ có Thừa tướng phò giúp. Đây cũng là bài học sâu sắc cho việc nắm quyền trong hoàng tộc của nhà Minh sau này [6; 112].

Đầu thời Minh, vua Minh Thái Tổ vẫn theo quan chế thời trước thiết lập Trung thư sảnh, đặt các chức Tả, Hữu Thừa tướng. Năm Hồng Vũ thứ 13 (1380), Minh Thái Tổ quyết định bãi bỏ Trung thư sảnh, phế bỏ Tể tướng, thực hiện việc tự nắm trực tiếp mọi quyền hành. Chế độ Tể tướng cũng theo đó mà bị bãi bỏ nhằm gạt bỏ hẳn rào cản cho quá trình xây dựng bộ máy chuyên chế trung ương tập quyền của hoàng đế.

## **2.3. Ngôi vị Tể tướng thời Trần từ góc nhìn bản địa hóa so với Trung Quốc**

### **2.3.1. Về tên gọi và sự biến đổi của danh xưng**

Nhìn vào diễn trình biến đổi của ngôi vị Tể tướng dưới thời nhà Trần và các triều đại của Trung Quốc, có thể thấy sự giống nhau khá nhiều về tên gọi. Khách quan mà nói, không thể phủ nhận việc nhà Trần đã có tham khảo, học tập về danh xưng, chức nhiệm của ngôi vị Tể tướng từ các triều đại ở Trung Quốc (rõ nét nhất là thời Tống). Nếu từ thời Tống đến Nguyên, bộ phận trung khu ở triều đình trung ương cơ bản có Trung thư môn hạ Bình chương sự ở ngôi Tể tướng, Tham tri chính sự làm Phó tướng thì quan chế của triều Trần cũng có điểm tương đồng. Điều này được Phan Huy Chú đã tổng kết: “Quan chế đời Trần, đại yếu lấy 3 chức Thái, 3 chức Thiếu, Thái úy, Tư đồ, Tư mã, Tư không làm trọng chức của các đại thần văn võ. Chức Tể tướng thì thêm danh hiệu Tả, hữu Tướng quốc Bình chương sự; Thứ tướng thêm danh hiệu Tham tri chính sự, nhập nội Hành khiển, hoặc thêm Tả phù Hữu bật, tham dự triều chính” [7; 531].

Tất nhiên, không thể có sự trùng khớp hoàn toàn giữa ngôi vị Tể tướng của nhà Trần so với Trung Quốc. Ở đây, cần nhấn mạnh là ngoài sự không trùng khớp về danh xưng của Tể tướng tính theo lịch đại sánh ngang giữa triều Trần với triều Tống, Liêu, Nguyên hay đầu thời Minh còn có sự khác biệt về tên gọi cụ thể. Chẳng hạn, vẫn học Trung Quốc trong việc đặt Trung thư sảnh, Thượng thư sảnh, Môn hạ sảnh trên cơ sở đổi tên từ Hành khiển ty ở hai cung (Hành khiển Tả,

hữu ty ở cung Thánh từ (chỗ Thượng hoàng ở) và Hành khiển ty ở cung Quan Triều (chỗ Hoàng đế ở), gọi chung là Nội mật viện) [7; 529]; Tuy nhiên, việc đặt chức Hành khiển và đề cao vai trò của chức vụ này có quyền vị ngang bằng với Tể tướng là một nét độc đáo rất riêng của vương triều Trần. Đây là chức quan kế thừa từ quan chế của nhà Lý nhưng không có trong quan chế của nhà Đường, Tống hay nhà Minh.

Mặt khác, sự biến đổi của chế độ Tể tướng ở Trung Quốc (trước hết là về phẩm hàm, quan danh) rất rõ ràng và thường xuyên. Trong khi đó, diễn biến của lịch sử vương triều Trần lại cho thấy có tâm lí e ngại/ không muốn thay đổi của triều đại này. Điều đó giải thích tại sao các vua Trần lại tỏ rõ thái độ không thích bộ phận Nho sĩ quan liêu và đám Nho sinh (còn được gọi là bọn “học trò mặt trắng”) vì những người này hay có mong muốn cải cách, đòi thay đổi tông pháp của tổ tông...). Về sau, trong bối cảnh nhà Minh quyết định bãi bỏ chế độ Tể tướng, ở trong nước diễn ra cuộc đấu tranh mạnh mẽ của khối Nho sĩ quan liêu nhằm loại bỏ hoàn toàn vị thế của tầng lớp quý tộc Trần thì rất tiếc, dù có nhận ra cần phải thay đổi đi chăng nữa nhưng vương triều Trần đã ở thời kì suy yếu, không thể còn cơ hội để cải cách quan chế và học theo nhà Minh trong việc phế bỏ ngôi vị Tể tướng nữa. . .

### **2.3.2. Về nguồn gốc xuất thân của Tể tướng**

Trong chính sách xây dựng bộ máy quan chế ở triều đình trung ương, vương triều Trần luôn hướng đến việc xây dựng chế độ quân chủ quý tộc lấy yếu tố dòng họ tôn thất làm trọng nên tiêu chuẩn tuyển chọn Tể tướng cũng rất nghiêm ngặt.

Dưới thời Trần, ngoài những tiêu chuẩn chung về tài năng và đức độ, làm sao để “chọn trong đám kẻ sĩ đang làm quan, khiến cho địa vị Tể tướng phải là người có tài trí, đức hạnh thì sự bổ nhiệm mới được người xứng đáng mà có thể gây được khí trung hòa trong trời đất” [8; 22] thì yếu tố nguồn gốc xuất thân của Tể tướng có vai trò đặc biệt quan trọng. Các vị Tể tướng thời kì này ngoài số ít trường hợp đặc biệt như Đỗ Khắc Chung (do được ban quốc tính nên vẫn gọi là Trần Khắc Chung) hay Hồ Quý Ly thì đều xuất thân từ hoàng tộc họ Trần. Có thể nói, nguyên tắc chỉ lấy thân vương trong tôn thất dưới thời Trần cơ bản được thực hiện khá chặt chẽ (trừ giai đoạn cuối triều đại). Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* cho biết: “Từ đời Kiên Trung [1225 - 1232] về sau, đều dùng thân vương trong tôn thất làm chức ấy, gia phong tước Quốc công. Những người hiền tài họ khác, đều được chọn vào chính phủ, chưa từng được làm chức Bình chương, vì lấy sự thân với người thân làm trọng, đó là thể lệ đặt chức Tể tướng của triều Trần” [7; 552]. Điều này có sự khác biệt rõ ràng với nguyên tắc tuyển chọn quan chế Trung Quốc vì bên cạnh yếu tố nguồn gốc xuất thân, các triều đại Trung Quốc còn chú trọng con đường khoa cử trong tuyển chọn Tể tướng.

Ví dụ, ngay từ thời Đường, trong lịch sử trải 21 đời vua của triều đại này tổng cộng đã có 368 người từng được nhiệm dụng làm Tể tướng, trong số này có những người có huân công lớn, có người khoa cử xuất thân, có người tài cán trác dị, có người rất giỏi về văn chương học thuật. Đặc biệt, có 141/368 vị Tể tướng thời Đường có nguồn gốc là Tiến sĩ xuất thân từ con đường khoa cử [5; 143]. Tiếp nối thời Đường, các triều Tống, Nguyên, đầu Minh sau đó vẫn giữ nguyên tắc chọn người tài năng, có nhiều công lao với triều đình để bổ nhiệm làm Tể tướng. Bên cạnh đó, cách thức bổ nhiệm Tể tướng lấy từ những người có trình độ cao và có nguồn gốc xuất thân từ khoa cử vẫn luôn được các triều đại ở Trung Quốc đề cao. Điều này là một trong những nhân tố quan trọng góp phần ngày càng nâng cao hiệu quả công việc của Tể tướng.

### **2.3.3. Về chức nhiệm của Tể tướng**

Là đại thần đứng đầu đội ngũ quan lại của triều đình, ngôi vị Tể tướng của Đại Việt thời Trần hay của Trung Quốc đều có vị trí và vai trò quan trọng trong bộ máy hành chính trung ương. Nếu như Tể tướng thời Trần cơ bản có các chức nhiệm như tư vấn/giúp vua điều hành các công việc chính sự của đất nước; đứng đầu chỉ đạo, xét duyệt và quản lí hoạt động của bá quan văn võ cũng

như phải kiêm quản nhiều việc lớn nhỏ trong triều đình thì Tể tướng ở Trung Quốc cũng có chức nhiệm tương tự. Ví dụ, dưới thời Đường và thời Tống, quan Tể tướng với tư cách là người thống lĩnh bách quan, giúp hoàng đế cai trị mọi việc quốc gia đại sự sẽ có chức nhiệm xoay quanh mấy điểm chính:

- Tham vấn cho hoàng đế về phương trâm, sách lược, biện pháp đối với các công việc quốc gia đại sự.
- Công đồng bàn nghị việc phế lập và các việc trọng đại khác liên quan đến hoàng đế, hoàng hậu và thái tử.
- Tuyển chọn bách quan, tiến cử người hiền năng.
- Tiến hành khảo hạch và đề nghị thưởng phạt đối với bách quan [5; 142].

Nhìn vào những công việc như trên thì chức nhiệm của Tể tướng dưới thời Trần trong so sánh với Trung Quốc cơ bản không có sự khác biệt. Nếu có sự khác biệt nhỏ nào đó thì dường như Tể tướng thời Trần đôi khi được giao hay phải làm kiêm nhiệm không ít việc lặt vặt có phần không tương xứng với thân phận của Tể tướng. Tất nhiên, điều này cần có sự kiểm chứng tư liệu chi tiết hơn nữa trong lịch sử chế độ Tể tướng ở Trung Quốc thì mới hoàn toàn có tính khả tín.

#### **2.3.4. Về bản chất danh xưng và cơ chế quyền lực của Tể tướng**

Khảo cứu kĩ cơ chế nắm quyền của Tể tướng ở Đại Việt thời Trần và ở Trung Quốc có thể nhận rõ, ngôi vị Tể tướng không hẳn là tên một chức quan cụ thể mà thực chất là một chế độ nắm quyền, hay đúng hơn là ngôi vị nắm quyền của người đứng đầu hệ thống quan lại. Ở mỗi thời kì, ngôi vị Tể tướng lại có tên gọi cụ thể (định danh) khác nhau như Thống quốc Thái sư, Tư đồ phụ chính/ Đại tư đồ, Tả/ hữu Tướng quốc, Bình chương quân quốc trọng sự,... Điều này cũng giống như các tên gọi khác nhau ở mỗi triều đại trong lịch sử Trung Quốc.

Mặt khác, nếu coi Tể tướng là người đứng đầu hàng ngũ quan lại trong triều đình thì cũng không nên hiểu máy móc rằng ngôi vị này chỉ có duy nhất một người nắm giữ. Trong lịch sử của vương triều Trần, cũng có giai đoạn chính sử chỉ đề cập và nhấn mạnh duy nhất vai trò của một người (như Thái sư Trần Thủ Độ), song cũng có giai đoạn có hai hoặc một số người cùng nắm quyền Tể tướng. Những người này chức tước cụ thể có thể khác nhau nhưng địa vị/ thực quyền thì đều được coi như cùng ở ngôi vị Tể tướng (ví dụ như Quốc phụ Thượng tể Trần Quốc Chân và Tá thánh Thái sư Trần Nhật Duật thời Trần Anh Tông [3; 242]; Cung Định Vương Phủ và Thái tể Nguyễn Trác cuối thời Trần).

Điều này khi so sánh với quan chế của Trung Quốc cũng thấy cơ bản giống nhau. Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử Trung Quốc có chung quan điểm cho rằng quyền hạn của Tể tướng trong lịch sử không phải là độc chiếm, duy nhất.

Ví dụ, dưới thời Đường, các chức quan Trung thư lệnh, Thị trung và Thượng thư lệnh đứng đầu Tam sảnh cùng nắm ngôi Tể tướng, mỗi bộ phận lại có chức nhiệm đặc thù riêng: “Trung thư xuất chiếu lệnh, Môn hạ nắm quyền phong bác”. Các việc thường ngày có tranh luận, ý kiến trái chiều chưa quyết được thì 2 sảnh trước tiên bàn nghị kĩ ở Chính sự đường, sau đó mới tấu lên hoàng đế [9]. Quyền vị của Tể tướng trên thực tế không phải thuộc về một cá nhân mà do một số người cùng nắm giữ nên mới phải có cơ quan họp bàn việc chung của các Tể tướng gọi là Chính sự đường. Quan chế thời Tống và thời Nguyên sau này cũng tương tự, những người được phong chức Trung thư môn hạ Bình chương sự (hoặc Đồng Trung thư môn hạ tam phẩm) dưới thời Tống hay chức Bình chương Chính sự thời Nguyên cùng giữ ngôi Tể tướng không ít. Chính vì thực tế này mà Ngụy Hiểu Ngụy, Chung Vệ Hoa (2006) trong công trình nghiên cứu của mình về diễn biến của chế độ Tể tướng ở Trung Quốc thời cổ đại đã cho rằng: “Quyền lực của Tể tướng không phải là độc chiếm, duy nhất. Bên cạnh tương quyền còn có giám sát quyền và các cơ quan có chức năng tư vấn, phò giúp cho vua khác...Thời Tùy Đường đặt chế độ Tam sảnh, người đứng đầu

Tam sảnh đều được gọi là Tể tướng, cùng nhau tham gia bàn nghị công việc chính sự quốc gia... từ đó hình thành nên một quần thể Tể tướng, đó là một trong những đặc trưng quan trọng” [6; 111].

### 3. Kết luận

Nghiên cứu ngôi vị Tể tướng thời Trần trong so sánh với quan chế Trung Quốc, có thể rút ra mấy điểm như sau:

*Thứ nhất*, ngôi vị Tể tướng thời Trần đã được tổ chức hoàn thiện hơn một bước so với thời Lý. Xét về danh xưng, các tên gọi khác nhau nắm quyền Tể tướng dưới thời Trần đa dạng hơn đời Lý, mặc dù chức nhiệm, diên cách thì cơ bản vẫn có sự tham chiếu theo triều đại trước. Tể tướng thời Trần được tuyển chọn trên nguyên tắc chủ yếu là lấy người trong dòng họ tôn thất nắm giữ. Các vị Tể tướng được chính sử ghi chép đa phần đều có nhiều đóng góp tích cực, góp phần quan trọng trong việc giúp vua cai trị thiên hạ, song cũng có người thiếu tài năng, kém bản lĩnh nên đã không thể giúp triều đình cứu vãn nổi cuộc khủng hoảng của quý tộc Trần vào giai đoạn cuối của triều đại. Có thể nói, ngôi vị Tể tướng thời Trần ở một khía cạnh nhất định cũng góp phần viết nên sự nghiệp thịnh suy của vương triều này trong suốt các thế kỉ XIII, XIV.

*Thứ hai*, sự tiếp thu và mô phỏng quan chế của các triều Đường, Tống thông qua ngôi vị Tể tướng thể hiện khá rõ. Điều này dễ nhận thấy thông qua các tên gọi của Tể tướng thời Trần cơ bản không khác so với tên các chức quan ở ngôi Tể tướng dưới các triều đại quân chủ Trung Quốc (trừ chức Hành khiển). Bên cạnh đó, có sự tương đồng về chức nhiệm và tính chất trong phương thức nắm quyền của ngôi vị này ở hai quốc gia. Chính từ sự so sánh ngôi vị Tể tướng trong bộ máy quan chế của vương triều Trần với các triều đại ở Trung Quốc đã giúp chúng ta soi tỏ và hiểu rõ hơn bản chất tên gọi và cơ chế nắm quyền của ngôi vị Tể tướng trong hệ thống chức quan của hai nước.

*Thứ ba*, mặc dù có sự mô phỏng quan chế của Trung Quốc song ngôi vị Tể tướng thời Trần vẫn có những nét khác biệt, thể hiện ở yếu tố nguồn gốc xuất thân; tần suất biến đổi danh xưng, mối quan hệ và sự chi phối, đấu tranh lẫn nhau giữa tướng quyền và hoàng quyền. Tính chất đơn tộc gắn với yêu cầu bảo lưu vai trò của quý tộc, tôn thất nhà Trần một mặt, thể hiện tính cố hữu của nhà Trần, mặt khác cũng toát lên tinh thần dân tộc cao với phương châm: “Triều trước dựng nước, có luật pháp, chế độ riêng, không theo quy chế của nhà Tống, là vì Nam Bắc nước nào làm chủ nước đó, không phải bắt chước nhau” [3; 263]. Về điều này, nhiều học giả Trung Quốc trong đó có Lương Doãn Hoa (2015) dù trong nghiên cứu của mình còn có những góc nhìn phiến diện nhưng vẫn phải thừa nhận: Thời Lý, Trần là quá trình học tập, du nhập và bản địa hóa mô hình quan chế Trung Hoa [10; 176], khác với giai đoạn từ giữa thế kỉ XV về sau dưới thời Lê Sơ đã có sự mô phỏng khá toàn diện mô hình quan chế của nhà Minh. Nghiên cứu về ngôi vị Tể tướng thời Trần trong so sánh với Trung Quốc vì vậy góp phần cụ thể hóa tính chất tính đặc thù và ý thức dân tộc rất riêng của vương triều Trần trong chính sách xây dựng bộ máy hành chính nhà nước.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phan Ngọc Huyền, 2018. *Ngôi vị Tể tướng trong thiết chế chính trị Đại Việt thế kỉ XI - XVIII*, trong sách *Một số chuyên đề Lịch sử Việt Nam* do Nguyễn Ngọc Cơ (chủ biên). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Phan Ngọc Huyền, 2016. *Bàn về chức Tể tướng thời Lý - Trần*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1, tr. 19-29.
- [3] Ngô Sỹ Liên và các sử thần hậu Lê, 1993. *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch, phiên bản điện tử). Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Ngô Thị Sĩ, 2011. *Đại Việt sử kí tiền biên* (bản dịch). Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.



- [5] Không Lệnh Ki, 1993. *Trung Quốc lịch đại quan chế*. Tê Lỗ thư xã, Sơn Đông (孔令纪, 《中国历代官制》, 齐鲁书社1993年版, 山东).
- [6] Ngụy Hiều Ngụy, Chung Vệ Hoa, 2006. *Nghiên cứu diễn biến của chế độ Tế tướng Trung Quốc cổ đại*. Học báo Học viện Sư phạm Thái Nguyên (bản KHXH), quyển 5 số 2. (魏晓巍、钟卫华, 《中国古代宰相制度演变研究》《太原师范学院学报(社会科学版)》2006年第5卷第2期)
- [7] Phan Huy Chú, 2008. *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch). Tập 1. Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [8] *Đại Việt sử ký tục biên* (bản dịch), 2012. Nxb Hồng Bàng - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội.
- [9] Mã Doan Lâm. *Văn hiến thông khảo*, quyển 50, phần “Chức quan khảo 4”, bản điện tử (马端临, 《文獻通考》, 卷五十《職官考四》, 电子版), đường dẫn: <http://www.guoxuedashi.com/a/1835g/137412p.html>, truy cập ngày 12 tháng 3 năm 2019.
- [10] Lương Doãn Hoa, 2015. *Lược thuật ảnh hưởng của quan chế Trung Quốc đối với Việt Nam qua góc nhìn khảo sát từ thế X đến thế kỉ XV*. Tạp chí Diễn đàn Nhân dân, số 8, tr. 176 - 178 (梁允华, 《中华官制史》, 魏碑刻拓迹略——以10世纪~15世纪为观察期限》, 《人民论坛》2015年第3期, 第176-178页).

## ABSTRACT

### **A Comparative study of bureaucratic system between Vietnam and China: A perspective from the regime of the Chancellor**

Phan Ngoc Huyen

*Faculty of History, Hanoi National University of Education*

**This paper studies** the regime of the Chancellor in Tran dynasty and China in the same period. The purpose of this study is to analyze the similarities and differences in the name and its background, responsibilities and characteristics of the Chancellor in both countries. The result of this study will contribute to a better recognition of the unique values and national attributes in the form of the official model in Vietnam and China from Tang - Song to Early Minh dynasty.

**Keywords:** Tran dynasty, China, the Chancellor, bureaucratic system.